

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2025/DS-PT
Ngày: 26- 6-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: 1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Ông Trần Thanh Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gọn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2025/QĐXXPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* [Công ty TNHH T](#);

Địa chỉ: [số B, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh](#).

Người đại diện theo pháp luật: ông [Phạm Thanh B](#) - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông [B](#) (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 06/12/2024): Ông [Phạm Đức H](#), sinh năm 1992;

Địa chỉ cư trú: [xóm H, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định](#).

Địa chỉ tạm trú: [số B, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh](#). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông [Lê Quốc H1](#), sinh ngày 01/01/1965;

Địa chỉ cư trú: [khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh](#).

Địa chỉ tạm trú: [số B, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh](#). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông [Phạm Đức H](#) trình bày:*

[Công ty TNHH T](#) (gọi tắt là [Công Ty T](#)) với ông [Lê Quốc H1](#) là chủ thầu xây dựng có thực hiện giao dịch mua bán thường xuyên sắt thép phục vụ cho việc xây dựng công trình mà ông [H1](#) nhận thi công. Thời gian đầu, ông [H1](#) lấy sắt thép bao nhiêu thì một thời gian ngắn khi tính toán, ông [H1](#) trả tiền đầy đủ; đến khoảng năm 2019, ông [H1](#) tiếp tục mua sắt thép của [Công ty T](#), khi thanh toán thì chỉ trả một phần và nợ lại một phần; việc mua bán kéo đến khoảng cuối năm 2023 thì ông [H1](#) ngưng, không mua sắt thép của [Công Ty T](#) nữa. Ngày 20/11/2023, [Công Ty T](#) và ông [H1](#) xác nhận công nợ, ông [H1](#) còn nợ lại [Công ty T](#) tổng cộng 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Từ lúc xác nhận nợ xong, [Công ty T](#) đã liên hệ đòi nợ nhiều lần nhưng ông [H1](#) không trả mà cứ hẹn lần hẹn lữa. Việc ông [H1](#) mua sắt thép là mua với tư cách cá nhân ông [H1](#) không phải đại diện cho công ty ông [H1](#) mua.

Nay, [Công ty T](#) yêu cầu ông [Lê Quốc H1](#) trả lại số tiền còn thiếu là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

** Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn [Lê Quốc H1](#) trình bày:*

Ông thừa nhận có mua sắt thép xây dựng của [Công ty T](#) còn nợ số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Số tiền nợ này là tiền nợ gởi đầu sau hơn 10 năm làm ăn với nhau. Do thi công các công trình xây dựng còn đang âm nợ nên ông chưa tất toán được hết số nợ nêu trên. Ông đồng ý trả số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 20.000.000 đồng, xin tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 35, 39, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty TNHH T](#) đối với ông [Lê Quốc H1](#) về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông [Lê Quốc H1](#) có nghĩa vụ trả cho [Công ty TNHH T](#) số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận [Công ty TNHH T](#) không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/5/2025, bị đơn [Lê Quốc H1](#) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, chỉ đồng ý trả cho [Công ty T](#) số tiền 190.000.000 đồng, không đồng ý trả thêm số tiền 60.000.000 đồng, vì [Công ty T](#) trong quá trình bán tài sản cho ông có gian lận cung cấp hàng hoá gây thiệt hại cho ông số tiền 60.000.000 đồng này.

Tại phiên tòa:

Bị đơn [Lê Quốc H1](#) trình bày ý kiến: rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 60.000.000 đồng; đồng ý trả cho [Công ty T](#) số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tuy nhiên, bổ sung yêu cầu kháng cáo xin được trả dần cho [Công ty T](#) mỗi tháng 20.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng để ông được trả cho [Công ty T](#) mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Người đại diện theo uỷ quyền của [Công ty T](#) trình bày ý kiến: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của [Công ty T](#), đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Tây Ninh trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn [Lê Quốc H1](#), giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án và tuyên án vào ngày 29/4/2025 vắng mặt bị đơn [Lê Quốc H1](#); ngày 15/5/2025, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết bản án cho bị đơn tại nhà bị đơn, tại Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú, tại Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 27/5/2025, bị đơn [Lê Quốc H1](#) có đơn kháng cáo còn trong hạn luật định, nội dung đơn kháng cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn rút kháng cáo đối với số tiền 60.000.000 đồng, căn cứ, khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[1.3] Tại phiên tòa, bị đơn bổ sung yêu cầu kháng cáo, xin được trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng, xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn [Lê Quốc H1](#), Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ông [H1](#) và [Công ty T](#) đã có văn bản xác nhận công nợ, ông [H1](#) còn nợ lại [Công ty T](#) tổng cộng 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông [H1](#) trả cho [Công ty T](#) số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Ông [H1](#) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử cho ông được trả cho [Công ty T](#) mỗi tháng 20.000.000 đồng, việc quyết định mỗi tháng được trả bao nhiêu không thuộc thẩm quyền của Tòa án, thẩm quyền xem xét yêu cầu này là của cơ quan thi hành án dân sự theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[2.2] Ông [H1](#) kháng cáo không cung cấp được tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn [Lê Quốc H1](#); chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông [H1](#) phải chịu; do ông [H1](#) sinh ngày 01/01/ 1965, là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 284 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông [Lê Quốc H1](#) về số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng;

Không chấp nhận kháng cáo của ông [Lê Quốc H1](#) xin được trả dần mỗi tháng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2025/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 430 và 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với ông Lê Quốc H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

1.1. Buộc ông Lê Quốc H1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

1.2. Ghi nhận Công ty TNHH T không yêu cầu ông Lê Quốc H1 trả tiền lãi.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T không phải chịu; được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0012201, ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lê Quốc H1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quốc H1 được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT,TT&THA TAND tỉnh;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Ngẫu

